

VẤN ĐỀ PHÂN PHỐI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

★ PGS, TS LÊ THỊ THANH HÀ

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Phân phối là một trong ba mặt của quan hệ sản xuất. Đặc biệt, Đảng ta khẳng định đường lối kinh tế của Việt Nam trong thời kỳ quá độ là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì vấn đề phân phối càng phải được quan tâm và là một trong những yếu tố để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Bài viết khái quát quan điểm của Đảng về phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và giải pháp thực hiện phân phối công bằng, phù hợp quy luật trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

● **Từ khóa:** phân phối; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

● **Ngày nhận:** 30/7/2025; **Ngày thẩm định:** 20/8/2025; **Ngày duyệt đăng:** 12/9/2025

1. Mở đầu

Quan hệ phân phối là một trong ba mặt của quan hệ sản xuất, đóng vai trò quan trọng trong mọi phương thức sản xuất. Quan hệ phân phối không chỉ là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng mà còn là yếu tố kích thích trực tiếp vào lợi ích của người sản xuất. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, lợi ích nói chung, lợi ích kinh tế nói riêng là vấn đề đang được quan tâm bởi mọi giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội. Việc phân phối một cách hài hòa, hợp lý các lợi ích sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm của Đảng về phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Bước vào thời kỳ đổi mới, tại Đại hội VI, Đảng ta chỉ ra một nguyên tắc trong phân phối: “Giải quyết một phần quan trọng việc làm cho người lao động và bảo đảm về cơ bản phân phối theo lao động”¹. Đây là nguyên tắc đúng với quy luật khách quan và thực tiễn Việt Nam.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) thể hiện sự phát triển lý luận về tư duy kinh tế của Đảng khi khẳng định: “Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội

chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước². Trong cơ chế kinh tế mới này, “Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu”³. Bước phát triển của Đại hội VII là bổ sung: “phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế”. Tại Hội nghị giữa nhiệm kỳ (khoá VII), Đảng ta bổ sung: “Công bằng xã hội thể hiện cả ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất”⁴. Với đặc trưng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam “công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu” thì đây là chủ trương đúng đắn của Đảng.

Tiếp đó, Đại hội VIII (năm 1996) với chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước⁵. Về phân phối, Đảng ta khẳng định: “Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất - kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội”⁶. Điểm mới của Đại hội này là bổ sung hình thức phân phối theo “nguồn vốn đóng góp vào sản xuất kinh doanh” và phân phối thông qua “phúc lợi xã hội”. Bởi trong xã hội có nhiều nhóm yếu thế, nhất là trong nền kinh tế hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường càng có sự phân hóa giữa các nhóm nên việc thực hiện phân phối theo phúc lợi xã hội giúp thu hẹp khoảng cách giàu nghèo là cần thiết.

Đến Đại hội IX, Đảng ta nhấn mạnh: “nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần” cũng chính là “nền kinh tế thị trường”. Điểm khác biệt của Việt Nam là *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Biểu hiện đặc thù của: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”⁷. Tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế là: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp”⁸. Một trong những yêu cầu hoàn thiện quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp là: “...thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối hệ thống an sinh xã hội thông qua phúc lợi xã hội”⁹. Việc lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chí để phân phối tư liệu sản xuất đã buộc mọi chủ thể kinh tế phải nâng cao hiệu quả sử dụng tư liệu sản xuất (vốn, đất đai, tài sản,...) được phân phối, thúc đẩy kinh tế nhà nước phát triển.

Chuyển sang kinh tế thị trường là thừa nhận sự tồn tại của nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Việc hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa theo hướng phân phối (cả tư liệu sản xuất và sản phẩm làm ra) công bằng, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế là cần thiết. Theo đó, các hình thức phân phối cũng dần được hoàn thiện theo chủ trương của Đại hội XI: “...các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội”¹⁰. Trong nguyên tắc phân phối mà Đại hội XI xác định, bổ sung phân phối tư liệu sản xuất theo chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã

hội và phân phối sản phẩm làm ra theo hệ thống an sinh xã hội. Điều này thể hiện sự phát triển tư duy của Đảng, tạo nhiều cơ hội hướng tới công bằng trong phân phối cả tư liệu sản xuất và cả sản phẩm làm ra. Nhất là trong xã hội, bên cạnh những người có sức khỏe, có trình độ lao động, trong xã hội còn có những nhóm người dễ bị tổn thương, nhóm người yếu thế thì việc triển khai hình thức phân phối theo an sinh xã hội sẽ cần thiết.

Đại hội XIII xác định, hoàn thiện quan hệ phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhằm thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội trong phân phối cả tư liệu sản xuất và bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển. Về cơ bản: “Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được sử dụng

phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước và cơ bản được phân bổ theo cơ chế thị trường”¹¹. Đây là bước phát triển trong phân phối về tư liệu sản xuất của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam phân bổ theo “cơ chế thị trường”.

Về phân phối các sản phẩm làm ra, Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: “bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, tạo động lực nâng cao năng suất và hiệu quả”¹². Điểm mới của Đại hội XIII, xác định mục tiêu của phân phối là “tạo động lực nâng cao năng suất và hiệu quả” lao động. Phân phối không chỉ là chia sẻ của cải mà còn là công cụ thúc đẩy sản xuất, đổi mới sáng

tạo và nâng cao năng suất lao động. Phân phối bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa các cá nhân và nhóm xã hội trong nền kinh tế thị trường, bảo đảm cho quá trình tái sản xuất xã hội và tái sản xuất sức lao động diễn ra liên tục.

2.2. Thực trạng phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Một là, phân phối tư liệu sản xuất. Đại hội

XI của Đảng đã xác định tư liệu sản xuất do nhà nước quản lý và phân phối cho các thành phần kinh tế gồm: “Đất đai, tài nguyên, vốn, tài sản do Nhà nước đại diện chủ sở hữu được giao cho các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế sử dụng theo nguyên tắc hiệu quả”¹³. Sau 40 năm đổi mới, cụ thể hóa chủ trương của Đảng về phân phối tư liệu sản xuất công bằng và hiệu

quả, Nhà nước Việt Nam về cơ bản đã hoàn thành hệ thống pháp luật như Luật Đất đai (1987, 1993, 2003, 2013, 2024); Luật Tài nguyên nước (2023); Luật Khoáng sản (2010); Luật Địa chất và Khoáng sản (2024); Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (2004, 2017); Luật bảo vệ Môi trường (2005, 2014, 2020, sửa đổi 2025)... Đây là cơ sở pháp lý thực hiện phân phối tư liệu sản xuất.

Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát

triển. Kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế. Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Phân định rõ quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Nhà nước “chủ động rà soát, cắt giảm các dự án đầu tư chưa thực sự cấp thiết, ưu tiên bố trí vốn tập trung cho những dự án cấp bách, hệ thống các kết cấu hạ tầng thiết yếu, các công trình lớn, quan trọng theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, có tính kết nối, lan tỏa, tạo động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội”¹⁴.

Nhà nước đã ban hành nhiều chương trình hành động, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, phân phối các nguồn lực một cách hợp lý. Đáng chú ý nhất là hiện tại đang triển khai 3 chương trình mục tiêu quốc gia¹⁵, phù hợp với thực tế và đã có những tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới. Đây cũng là một điểm sáng trong việc thực hiện phân phối tư liệu sản xuất theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng.

Tuy nhiên, hiện tượng lợi dụng kẽ hở trong phân phối tư liệu sản xuất để tham nhũng, lãng phí còn tồn tại ở nhiều lĩnh vực, nhất là lĩnh vực tài nguyên và vốn. Tình trạng một số doanh nghiệp tư nhân lợi dụng kẽ hở về luật đất đai, luật tài chính đã mọc nối với một số cơ quan, bộ ngành để vận động hành lang trong việc sở

hữu nguồn tư liệu đất đai và vốn. Một số doanh nghiệp thao túng một phần nguồn tư liệu sản xuất. Chính sách tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động tại doanh nghiệp có vốn Nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập... Cơ chế phân cấp quản lý kinh tế - xã hội có mặt chưa thật phù hợp, nhất là về ngân sách nhà nước, đầu tư, quản lý tài nguyên, đô thị, tài sản công... Tỷ lệ chi ngân sách cao hơn tỷ lệ thu ngân sách. Bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2019 đạt 3,5% GDP¹⁶ và năm 2024 khoảng 3,4%.

Hai là, phân phối theo hiệu quả lao động và hiệu quả kinh tế là nguyên tắc phân phối chủ đạo nhằm đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong suốt thời kỳ đổi mới. Vì vậy, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị định quy định hệ thống thang bảng lương, cơ chế chính sách tiền lương, tiền công đối với người lao động hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước, người lao động trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; các quy định về chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... trong hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội... Cụ thể, từ năm 2005 đến năm 2024, Chính phủ đều ban hành nghị định điều chỉnh mức lương tối thiểu chung và có 18 lần điều chỉnh mức lương phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu sống của người dân. Đối với người lao động trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng để đảm bảo mức sống tối thiểu cho người lao động. Từ năm 2009 đến 2024, mức lương tối thiểu vùng đã 15 lần điều chỉnh.

Tuy nhiên, “Chính sách tiền lương, thu nhập, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi xã hội có mặt còn hạn chế; thụ hưởng của người dân từ thành tựu phát triển của đất nước chưa hài hòa”¹⁷. Thị trường lao động phát triển chưa

đồng bộ, lao động khu vực phi chính thức còn lớn. Thu nhập bình quân của người lao động quý II/2025 là 8,2 triệu đồng/tháng, giảm 58 nghìn đồng so với quý I/2025¹⁸. Điều này cho thấy thu nhập của người lao động chưa ổn định. Tình trạng cán bộ công chức “sáng cấp cấp tới cơ quan, chiều cấp cấp về” vẫn còn, dẫn đến tình trạng “cào bằng” về tương quan chi trả lương; người làm việc nhiều và hiệu quả được “chi trả như nhau” so với người làm việc ít và kém hiệu quả.

Ba là, phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác. Đảng và Nhà nước luôn nhất quán quan điểm *khuyến khích làm giàu hợp pháp* đối với mọi chủ thể tham gia thị trường. Đó chính là động lực thúc đẩy xã hội phát triển. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân khẳng định: “Khu vực kinh tế tư nhân hiện có khoảng hơn 940 nghìn doanh nghiệp và hơn 5 triệu hộ kinh doanh đang hoạt động, đóng góp khoảng 50% GDP, hơn 30% tổng thu ngân sách nhà nước và sử dụng khoảng 82% tổng số lao động vào tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm”¹⁹. Kinh tế tư nhân phát triển, thúc đẩy thu nhập của nhóm đóng góp vốn và đã góp phần phát triển tầng lớp trung lưu tăng lên nhanh chóng, dự báo tăng thêm 4 triệu người trong năm 2024, đạt 23,2 triệu vào năm 2030²⁰. Dự báo trong 25 năm tới, một nửa dân số nước ta sẽ gia nhập tầng lớp trung lưu.

Tuy nhiên, phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác cũng còn nhiều bất cập. Kinh tế tư nhân còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là vốn, công nghệ, đất đai, tài nguyên và nhân lực chất lượng cao. Một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ chưa thực sự hiệu quả và khó tiếp cận; chi phí kinh doanh còn cao. Thủ tục hành chính còn

phức tạp, chi phí không chính thức cao và khả năng tiếp cận tín dụng còn hạn chế: Báo cáo PCI 2024 cho thấy chi phí không chính thức đang có xu hướng tăng trở lại. Năm 2024, gần 37% doanh nghiệp cho biết có trả chi phí không chính thức, tăng so với 33% năm 2023. Trong đó, 28% doanh nghiệp trả chi phí cho cán bộ thanh tra, kiểm tra (tăng mạnh từ 16%), 55% khi thực hiện thủ tục kinh doanh có điều kiện, và 50% trong các thủ tục liên quan đến đất đai²¹.

Bốn là, phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Trải qua 40 năm đổi mới, các chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội không ngừng được hoàn thiện theo hướng tiến bộ và công bằng. Chính sách ưu đãi, tôn vinh người có công với cách mạng được đặc biệt quan tâm và thực hiện tốt: “Đến nay, cả nước đã xác nhận được trên 9,2 triệu người có công, trong đó số người có công đang hưởng chế độ ưu đãi hàng tháng gần 1,4 triệu; trên 500 nghìn thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng²²; 98,6% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình trên địa bàn. Đặc biệt, Nhà nước đã dành khoảng 20% tổng chi ngân sách hàng năm cho chính sách xã hội²³.”

Việt Nam đã hoàn thành sớm mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc về xóa đói, giảm nghèo, được cộng đồng quốc tế đánh giá là điểm sáng về giảm nghèo trên thế giới. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58% năm 1993 xuống dưới 3% năm 2024. Độ bao phủ của chính sách trợ cấp xã hội tăng từ 2,7% dân số năm 2016 lên 3,8% dân số năm 2024; chi ngân sách nhà nước cho trợ giúp xã hội tăng 113% từ 15.000 tỷ đồng năm 2016 lên 32.000 tỷ đồng năm 2024²⁴.

Tuy nhiên, phạm vi bao phủ và khả năng giải quyết rủi ro của các chính sách an sinh xã hội

còn thấp. Việc bảo đảm y tế cơ bản; năng lực, chất lượng y tế cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trong ứng phó với thiên tai, dịch bệnh; tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao. Việc thực hiện chính sách nhà ở cho người thu nhập thấp còn nhiều khó khăn; tỉ lệ người dân ở nông thôn được sử dụng nước sạch còn thấp. “Giảm nghèo chưa bền vững, chưa có giải pháp hữu hiệu để xử lý vấn đề phân hóa giàu - nghèo, gia tăng bất bình đẳng về thu nhập”²⁵. Theo công bố của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tỷ lệ nghèo đa chiều chung toàn quốc năm 2024 là 4,06%, Cả nước còn hơn 1,2 triệu hộ nghèo và hộ cận nghèo²⁶. Phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo đang thiếu sinh kế, việc làm, thu nhập thấp, không ổn định.

2.3. Một số giải pháp phân phối đảm bảo tiến bộ và công bằng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Một là, hoàn thiện thể chế phân bổ nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội thực sự hiệu quả.

Thể chế cần bảo đảm huy động, quản lý và phân phối có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển, đặc biệt là nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn đầu tư tài chính, nguồn ngân sách nhà nước,... Nhà nước cần bảo đảm sự phát triển đồng bộ của các thị trường như thị trường đất đai, tài nguyên; đẩy mạnh thị trường vốn và tiền tệ với hành lang pháp lý rõ ràng, minh

bạch. Châm dứt tình trạng xin - cho và bảo hộ của cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình phân phối tư liệu sản xuất. Bảo đảm doanh nghiệp tư nhân được đối xử công bằng, bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong tiếp cận, sử dụng các nguồn lực. Đặc biệt là cần có cơ chế, chính sách, giải pháp vượt trội, đột phá để thực hiện phân phối tư liệu sản xuất minh bạch, công bằng.

Hai là, phát triển thị trường lao động, hướng đến việc làm bền vững.

Thị trường lao động đóng vai trò chủ chốt trong phân phối. Theo đó, cần nâng cao nhận thức về thị trường lao động, tuân thủ quy luật của kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, coi lao động là hàng hóa đặc biệt để có cơ chế, chính sách phù hợp trong chi trả tiền công. Tiếp tục hoàn

thiện thể chế, chính sách pháp luật đồng bộ, thống nhất để thị trường lao động phát triển theo hướng linh hoạt, hiện đại, đầy đủ, bền vững, hiệu quả, hội nhập quốc tế, nhằm giải phóng triệt để sức sản xuất, tập trung phát triển lao động có kỹ năng, thúc đẩy tạo việc làm bền vững, có thu nhập cao. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tận dụng thời cơ dân số vàng, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Chú trọng đào tạo những kỹ năng ngoại ngữ cao, trình độ chuyên môn phù hợp, có kỷ luật, kỷ cương... để hội nhập với thị trường lao động thế giới, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, qua đó tăng thu nhập cho lao động.

Ba là, cải cách chính sách tiền lương gắn với sự thay đổi giá cả sức lao động trên thị trường. Trong nền kinh tế thị trường, phân phối cần phải tuân thủ những quy luật vốn có của thị trường, như cạnh tranh, giá cả, cung - cầu, tối ưu hóa lợi nhuận,... Vì vậy, cần từng bước hoàn thiện chính sách tiền lương và xây dựng chế độ tiền lương linh hoạt theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Đồng thời: “Cải cách chính sách tiền lương theo hướng gắn với sự thay đổi của giá cả sức lao động trên thị trường, tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ tăng năng suất lao động, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, tạo động lực nâng cao năng suất và hiệu quả”²⁷. Tiền lương, tiền công phải thực sự là giá cả của sức lao động, điều đó đòi hỏi phải tính đúng, tính đủ giá trị sức lao động để làm cơ sở cho việc xác định mức tiền lương, tiền công. Mức lương cho người lao động phải thể hiện trình độ học vấn, tay nghề, mức độ đóng góp vào quá trình lao động sản xuất. Mức lương tối thiểu phải bảo đảm tính toán đầy đủ các yếu tố cần thiết của quá trình tái sản xuất sức lao động.

Bốn là, ưu tiên cho những nhóm yếu thế hoặc dễ bị tổn thương trong việc tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục và nhà ở.

Song song với các hình thức phân phối theo lao động, theo hiệu quả sản xuất thì việc bảo đảm mức bình đẳng cho những người dễ bị tổn thương và yếu thế trong xã hội cần được đẩy mạnh thực hiện dưới hình thức phân phối thông qua các quỹ an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. Theo đó, cần có chính sách để người có thu nhập cao đóng thuế nhiều hơn, tạo nguồn ngân sách cho các chương trình an sinh. Hỗ trợ tài chính cho người nghèo, người khuyết tật, người già, hoặc thất nghiệp. Giúp người thu

nhập thấp tiếp cận dịch vụ thiết yếu bằng cách miễn giảm học phí, y tế,...; cung cấp nhà ở giá rẻ cho người thu nhập thấp; hỗ trợ tài chính tạm thời cho người mất việc; đảm bảo thu nhập ổn định cho người cao tuổi; bảo vệ người lao động khi gặp rủi ro. Xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh giúp xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ; ứng dụng công nghệ số nhằm tối ưu hóa việc phân phối nguồn lực an sinh. Nâng cao trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp; tranh thủ các quỹ từ thiện và các tổ chức phi chính phủ nhằm hỗ trợ các chương trình an sinh ngoài ngân sách nhà nước.

Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia sẻ - bền vững. Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Đổi mới chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện, có chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức.

3. Kết luận

Vấn đề phân phối ở Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và người dân. Bởi đây là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và là phương tiện góp phần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần phát huy hơn nữa vai trò của phân phối theo hướng tiến bộ, công bằng và hài hòa nhằm tạo động lực thúc đẩy sự phát triển. Vì vậy, Nhà nước cần có chính sách đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế giữa các thành phần kinh tế, tạo sự đồng thuận trong phân phối thu nhập, tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của các chính sách

an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và chính sách tiền lương. Từ đó, tạo động lực thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu phồn vinh, hạnh phúc ❖

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.45.

² Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.10, 17-18.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.22.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khoá VII)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1994, tr.47.

^{5,6} Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1996, tr.14; 92

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.102.

^{8,10,13} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.70; 74; 207.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tr.88.

^{11,12,17,25,27} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, tập I, tr.129; 149; 86; 85; 149.

^{14,16,22} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, tập II, tr.19; 12; 43.

¹⁵ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

¹⁸ Thông cáo báo chí về tình hình lao động, việc làm quý II và 6 tháng đầu năm 2025 - General Statistics Office of Vietnam.

¹⁹ “Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>, truy cập ngày 20/7/2025.

²⁰ “Năm 2024, Việt Nam có thêm 4 triệu người trung lưu”, <https://vtcnews.vn> ngày 22/10/2023, truy cập ngày 7/9/2025.

²¹ “Chi phí không chính thức tăng trở lại, doanh nghiệp vẫn vương đát đai và chính sách”, <https://vov.gov.vn>, truy cập ngày 20/7/2025.

²³ “Thành tựu trong thực hiện các chính sách an sinh xã hội”, <https://consosukien.vn>, truy cập ngày 20/7/2025.

²⁴ “Giai đoạn 2016-2024: Ghi dấu ấn 12 thành tựu nổi bật về lao động, người có công và xã hội”, <https://nhandan.vn>, truy cập ngày 15/7/2025.

²⁶ “Tỷ lệ nghèo đa chiều toàn quốc năm 2024 là 4,06%”, <https://nhandan.vn> truy cập ngày 15/7/2025.